

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TẠ NHẬT ÁNH

**KỸ NĂNG HỢP TÁC TRONG HỌC TẬP NHÓM
CỦA SINH VIÊN**

Chuyên ngành: **Tâm lý học**

Mã số: **9.31.04.01**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

HÀ NỘI - 2018

Công trình được hoàn thành tại:

**HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS.Vũ Dũng**

Phản biện 1: PGS.TS. Phan Trọng Ngọ

Phản biện 2: PGS.TS. Đinh Hùng Tuấn

Phản biện 3: PGS.TS. Nguyễn Hồi Loan

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
tại: Học viện Khoa học xã hội, 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Vào hồi giờ, ngày.... tháng.... năm

Có thể tìm luận án tại:

- Thư viện Học viện Khoa học xã hội
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Kỹ năng là yếu tố tâm lý không thể thiếu trong đời sống hiện đại, là yếu tố quan trọng trong các hoạt động của con người ở mọi lĩnh vực khác nhau. Kỹ năng giúp con người thực hiện hoạt động một cách nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và công sức, đồng thời đem lại hiệu quả công việc cao hơn.

Hợp tác cần cho nhiều môi trường khác nhau: kinh doanh, học tập, làm việc... Khi hợp tác với nhau để học tập hay làm việc sẽ giúp tăng hiệu quả công việc. Mỗi cá nhân khi hợp tác học tập với nhau họ sẽ tự nhận ra khả năng thật của bản thân qua việc chia sẻ với nhau về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm... từ đó họ tự nâng cao kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm... những điều mà cá nhân không thể có được khi làm việc một mình.

Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm đối với sinh viên là một kỹ năng rất quan trọng. Bởi lẽ khi hợp tác cùng thực hiện các công việc học tập trong nhóm từng cá nhân sinh viên sẽ phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ năng chuyên môn với các kỹ năng xã hội. Điều này giúp sinh viên vừa nâng cao kiến thức chuyên môn vừa nâng cao các kỹ năng xã hội của bản thân mình. Kỹ năng hợp tác là điều kiện cần thiết cho hoạt động học tập của sinh viên – hoạt động nhằm chiếm lĩnh hệ thống tri thức khoa học, chuyên ngành, hình thành và phát triển những phẩm chất, năng lực cần thiết của người chuyên gia tương lai. Sinh viên có thể học từ mối quan hệ tương tác với bạn bè nhiều hơn là từ việc lắng nghe giảng viên truyền thụ. Sinh viên học bằng cách làm (Learning by doing) chứ không chỉ học bằng cách nghe giảng viên giảng (Learning by listening). Thực hiện thành công kỹ năng hợp tác trong nhóm học tập đối với sinh viên được coi như môi trường thực hành quan trọng giúp sinh viên có khả năng hòa nhập tốt vào các nhóm xã hội sau khi ra trường.

Tại Việt Nam kỹ năng hợp tác khi học tập nhóm mới được biết đến như mô hình học tập nhưng chưa trở thành một vấn đề được áp dụng rộng rãi. Hơn nữa những nghiên cứu về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên ở Việt Nam còn chưa nhiều. Bên cạnh đó, sinh viên chưa được trang bị một cách đầy đủ, bài bản những tri thức về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm, việc vận dụng tri thức, kinh nghiệm của bản thân vào trong các hành động hợp tác còn chưa đầy đủ và hệ thống, nói cách khác kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên còn rất hạn chế. Để đề ra những biện pháp khắc phục, cần có những nghiên cứu làm rõ hơn cơ sở lý luận về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên, có các khảo sát đánh giá thực trạng và thử nghiệm các cách thức cơ bản để nâng cao kỹ năng này từ góc độ của Tâm lý học hoạt động và Tâm lý học cá nhân. Đây là điều rất có ý nghĩa và mang tính thực tiễn cao. Từ những lý do kể trên, chúng tôi lựa chọn “ *Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên*” làm vấn đề nghiên cứu của mình

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận và thực trạng kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên, từ đó đề xuất một số biện pháp và tiến hành thực nghiệm tác động tâm lý sư phạm nâng cao kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm cho sinh viên.

Các kết quả nghiên cứu sẽ có những đóng góp thêm cho lý luận tâm lý học và thực tiễn đổi mới giáo dục nói chung, giáo dục nghề nghiệp nói riêng. Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đào tạo đại học trên phạm vi cả nước.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

2.2.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu

2.2.2. Xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên: các khái niệm, các biểu hiện của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV

2.2.3. Làm rõ thực trạng kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên và các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng này.

2.2.4. Tổ chức thực nghiệm nhằm nâng cao kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Biểu hiện và mức độ kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

3.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án

3.2.1. Phạm vi nội dung nghiên cứu

Luận án chỉ tập trung nghiên cứu 3 biểu hiện cơ bản tạo thành nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên đó là: (1) Kỹ năng phối hợp hành động; (2) Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; (3) Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp.

Các yếu tố ảnh hưởng cũng rất đa dạng, tuy nhiên trong giới hạn của luận án chúng tôi tập trung tìm hiểu một số yếu tố bao gồm:

Nhóm các yếu tố chủ quan: (1) Nhận thức của sinh viên về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm; (2) Thái độ của sinh viên khi tham gia học tập nhóm; (3) Các nét tính cách của sinh viên; (4) Trình độ của nhóm trưởng nhóm học tập;

Nhóm các yếu tố khách quan: (5) Các yêu cầu của bài tập nhóm; (6) Hỗ trợ của giảng viên dành cho nhóm; (7) Các điều kiện học tập nhóm.

3.2.2. Phạm vi khách thể và địa bàn nghiên cứu

3.2.2.1. Địa bàn nghiên cứu

Luận án khảo sát tại trường Đại học ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Thủ Đô. Việc lựa chọn địa điểm khảo sát này bởi vì những lý do như sau:

- Trường Đại học Ngoại ngữ và trường Đại học Thủ Đô hiện nay đều là những trường phát triển theo hướng đa ngành, trong đó vẫn duy trì hệ sư phạm, song song với các ngành nghề khác, thể hiện tính đa dạng trong các chuyên ngành đào tạo. Do vậy việc khảo sát thực tiễn của luận án sẽ thu được các số liệu mang tính đại diện cho kỹ năng hợp tác của sinh viên ở nhiều ngành nghề khác nhau.

- Các giáo viên của hai trường đều áp dụng học tập nhóm, trong quá trình dạy/ học với các môn học chung và các môn học chuyên ngành.

3.2.2.2. Khách thể nghiên cứu

* Khách thể nghiên cứu định lượng:

- 400 SV năm thứ 2 và 3, của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Thủ Đô

- 52 giảng viên, gồm: 32 giảng viên của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và 20 giảng viên của trường Đại học Thủ Đức

* Khách thể phỏng vấn sâu:

- 20 SV, gồm :10 sinh viên của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và 10 sinh viên của trường Đại học Thủ Đức.

- 10 GV, gồm: 5 GV của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và 5 GV của trường Đại học Thủ Đức.

* Khách thể thực nghiệm tác động:

Luận án được thực nghiệm tại trường Đại học ngoại ngữ .Việc học tập tại trường Đại học ngoại ngữ đòi hỏi sinh viên phải thảo luận, học tập theo nhóm ở tất cả các môn học và các chuyên ngành đào tạo. Cụ thể như sau:

- Khách thể thực nghiệm tác động: 43 sinh viên năm thứ 2, lớp PSF 30073, trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN.

- Khách thể thực nghiệm kiểm chứng: 42 sinh viên năm thứ 2, lớp PSF 30076, trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

- *Nguyên tắc hoạt động*: Nghiên cứu kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên dựa trên cơ sở của hoạt động học tập nhóm của sinh viên. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên vừa là điều kiện và vừa là kết quả của việc làm việc nhóm hiệu quả. Do vậy nghiên cứu kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên là nghiên cứu những hành động, hoạt động cụ thể của sinh viên khi tham gia học tập nhóm, khi cùng giải quyết các nhiệm vụ học tập với nhau trong nhóm.

- *Nguyên tắc hệ thống*: Nghiên cứu kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên trong mối liên hệ qua lại, biện chứng giữa các yếu tố tâm lý của sinh viên và các yếu tố tâm lý xã hội của tập thể sinh viên, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên.

- *Nguyên tắc phát triển*: Tâm lý của con người luôn vận động và phát triển. Vì vậy nghiên cứu kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên phải được tiến hành trong quá trình vận động và phát triển của chúng, qua diễn biến và sản phẩm của hoạt động.

4.2. Các phương pháp nghiên cứu

4.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu;

4.2.2. Phương pháp xin ý kiến chuyên gia;

4.2.3. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi;

4.2.4. Phương pháp bài tập tình huống;

4.2.5. Phương pháp quan sát;

4.2.6. Phương pháp phỏng vấn sâu;

4.2.7. Phương pháp thực nghiệm tác động;

4.2.8. Phương pháp thống kê toán học.

4.3. Giả thuyết khoa học

4.3.1. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên là một kỹ năng phức hợp, được tạo nên từ một số kỹ năng khác nhau. Bao gồm: (1) Kỹ năng phối hợp hành động; (2) Kỹ năng

giải quyết mâu thuẫn: (3) Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp. Các KN thành phần của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV có sự khác nhau ở mức độ đạt được; trong đó kỹ năng giải quyết mâu thuẫn đạt được ở mức độ thấp nhất và kỹ năng phối hợp hành động đạt được ở mức độ cao nhất.

4.3.2. Có nhiều yếu tố tác động tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên bao gồm các yếu tố chủ quan và khách quan; (1) trong đó yếu tố tác động nhiều nhất tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên là: các hỗ trợ của giảng viên dành cho sinh viên trong quá trình học tập nhóm ; (2) yếu tố có tác động ít nhất tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên là: trình độ của nhóm trưởng nhóm học tập.

4.3.3. Có thể nâng cao kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV bằng các biện pháp tác động tâm lý sư phạm như: (1) Nâng cao nhận thức của SV và GV về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên; (2) Tăng cường hỗ trợ của GV dành cho nhóm một cách gián tiếp trong quá trình học tập nhóm.

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Các kết quả nghiên cứu sẽ có những đóng góp thêm cho lý luận Tâm lý học sư phạm nghề nghiệp và thực tiễn đổi mới giáo dục nói chung, giáo dục nghề nghiệp nói riêng. Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đào tạo đại học trên phạm vi cả nước.

Xây dựng được bộ công cụ để đo mức độ và các mặt biểu hiện của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

Xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên và mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố tới kỹ năng này

Đề xuất một số biện pháp tác động sư phạm và tổ chức thực nghiệm kiểm chứng hiệu quả tác động của các biện pháp này tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về lý luận

Ở Việt Nam những nghiên cứu về kỹ năng hợp tác nhóm của sinh viên trong hoạt động học tập còn rất ít ỏi. Do vậy, đề tài luận án là vấn đề nghiên cứu khá mới mẻ. Việc xác định khái niệm, biểu hiện, yếu tố ảnh hưởng của kỹ năng hợp tác nhóm của sinh viên trong điều kiện học tập theo học chế tín chỉ của sinh viên ngoại ngữ là vấn đề mới của nước ta hiện nay. Trong giới hạn của luận án chúng tôi đã có những đóng góp về mặt lý luận như sau:

Xác định được khái niệm kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên. Chỉ ra 3 kỹ năng thành phần cơ bản của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên gồm: (1) Kỹ năng phối hợp hành động; (2) Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; (3) Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp.

Xác định các mức độ của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên và các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng này.

6.2. Về thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của đề tài đã chỉ ra thực trạng biểu hiện, mức độ kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên nói chung và thực trạng của từng nhóm kỹ năng biểu hiện đều ở mức trung bình. Kết quả nghiên cứu này khác với kết quả nghiên cứu trước đó về kỹ năng hợp tác nhóm.

Phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên. Chỉ ra 3 yếu tố có tác động nhiều nhất tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

bao gồm: (1) Hỗ trợ của GV dành cho nhóm; (2) Thái độ của SV khi tham gia học tập nhóm; (3) Nhận thức của SV về KN hợp tác trong học tập nhóm. Khẳng định được tính hiệu quả của các biện pháp tác động tâm lý – sư phạm nâng cao kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên gồm:

- (1) Nâng cao nhận thức của SV và GV về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV ;
- (2) Tăng cường hỗ trợ của GV dành cho nhóm một cách gián tiếp ở khâu cấu thành, vận hành và tổ chức nhóm.

7. Cơ cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, danh mục các công trình khoa học đã có liên quan đến luận án đã được công bố, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan các công trình nghiên cứu

Chương 2. Cơ sở lý luận nghiên cứu kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV

Chương 3. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Chương 4. Kết quả nghiên cứu thực tiễn kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu trên thế giới về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

1.1.1. Hướng nghiên cứu về kỹ năng trong học tập: Tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy, các nhà tâm lý học một mặt tìm hiểu về kỹ năng học tập nói chung; mặt khác nhiều tác giả đi sâu vào việc tìm hiểu các kỹ năng học tập cụ thể. Các tác giả nhấn mạnh đến các kỹ năng quan trọng đối với việc học tập như: kỹ năng đọc sách; kỹ năng tự học; kỹ năng độc lập trong học tập và giải quyết vấn đề. Như vậy các tác giả đã nhấn mạnh đến khả năng tự học, tự rèn luyện khi bàn về kỹ năng học tập. Một số tác giả khác khi bàn về kỹ năng học tập lại nhấn mạnh đến các kỹ năng thiên về quá trình xử lý thông tin khi học tập bao gồm các kỹ năng như: kỹ năng đọc nhanh; kỹ năng ghi nhớ; kỹ năng hệ thống hóa kiến thức...

1.1.2. Hướng nghiên cứu về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm: Hợp tác trong học tập nhóm nói chung được nhiều tác giả nước ngoài nghiên cứu từ rất sớm. Các tác giả đều thống nhất với nhau theo hướng nhà trường cần sự hợp tác giữa giảng viên và học sinh; học sinh và học sinh, đồng thời nhà trường là nơi lý tưởng để giáo dục và rèn luyện sự hợp tác. Nhìn chung trải qua nhiều thời kỳ, khi nghiên cứu về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm, các nghiên cứu của tác giả nước ngoài được chia thành 3 hướng chính: *Thứ nhất*, coi hợp tác và làm việc nhóm là 2 vấn đề gắn bó với nhau. Hợp tác vừa là điều kiện, vừa là sản phẩm của làm việc nhóm hiệu quả. *Thứ hai*, coi hợp tác là một vấn đề phức tạp, bao gồm nhiều kỹ năng khác nhau. *Thứ ba*, coi hợp tác trong nhóm liên quan chặt chẽ đến giao tiếp và quá trình giải quyết mâu thuẫn trong nhóm.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu ở Việt Nam về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

1.2.1 Hướng nghiên cứu về kỹ năng trong học tập: Các tác giả trong nước có xu hướng tiếp cận kỹ năng học tập theo hướng 3 hướng. *Thứ nhất*, hướng cụ thể hóa, gắn liền kỹ năng học tập với các kỹ năng cấu thành nên hoạt động học tập nói chung hoặc các kỹ năng gắn với

một nội dung môn học cụ thể, đối tượng học sinh cụ thể. Có thể điem qua những kỹ năng gắn với hoạt động học tập được các tác giả trong nước quan tâm nghiên cứu như: kỹ năng đọc và viết tiếng Việt; kỹ năng sử dụng mô hình trong giải bài toán có lời; kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh; kỹ năng ghi nhớ từ tiếng Anh; kỹ năng tự học; kỹ năng tự học từ xa. Thứ hai, tiếp cận kỹ năng học tập là một hệ thống phức hợp, gồm nhiều kỹ năng cấu thành và các kỹ năng cấu thành có mối liên hệ với nhau theo các bước của quá trình giải quyết vấn đề của tư duy như: kỹ năng thiết kế; kỹ năng thực hiện; kỹ năng kiểm tra, đánh giá; kỹ năng định hướng; kỹ năng tiếp nhận và giải quyết vấn đề. Thứ ba, tiếp cận kỹ năng học tập gồm nhiều kỹ năng cấu thành, liên quan đến các hoạt động diễn ra trong quá trình học tập gồm: nhóm kỹ năng định hướng; nhóm kỹ năng thực hiện hoạt động tự học; nhóm kỹ năng học tập trên lớp; nhóm kỹ năng đọc tài liệu học tập; nhóm kỹ năng xemina.

1.2.2. Hướng nghiên cứu về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm: Các tác giả trong nước quan tâm nhiều đến kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm theo hướng tiếp cận nó như mô hình học tập hợp tác, hoặc mô hình dạy học hợp tác. Khi tiếp cận kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm theo quan điểm của giáo dục (mô hình dạy/học hợp tác) thường ít làm rõ được các cơ sở tâm lý về hợp tác. Chúng tôi quan niệm để có thể áp dụng mô hình dạy/học hợp tác phải bắt đầu từ việc hình thành và hoàn thiện kỹ năng hợp tác của người học. Để tạo một nhóm học tập tốt cũng phải bắt đầu từ việc hình thành và phát triển kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm. Kỹ năng hợp tác trong nhóm của từng thành viên là cơ sở để tạo ra nhóm hợp tác.

CHƯƠNG 2

LÝ LUẬN VỀ KỸ NĂNG HỢP TÁC TRONG HỌC TẬP NHÓM CỦA SINH VIÊN

2.1. Các khái niệm cơ bản

2.1.1. Kỹ năng

Kỹ năng là khả năng vận dụng những tri thức, kinh nghiệm hoạt động/ hành động đã có vào thực hiện hành động/ hoạt động có kết quả trong điều kiện xác định.

2.1.2. Hợp tác và các yêu cầu của hợp tác

2.1.2.1. Hợp tác

Hợp tác trong nhóm là sự phối hợp hành động một cách tích cực giữa các cá nhân trong hoạt động chung.

Với cách quan niệm này hợp tác là một mức độ phát triển rất cao của phối hợp, hành động đó là sự phối hợp trên cơ sở của sự tự giác, tự nguyện và chủ động. Hợp tác luôn là sự nỗ lực của từng cá nhân cho những phần công việc riêng và cả các công việc chung.

2.1.2.2. Các yêu cầu của hợp tác trong hoạt động chung

Tổng quan nhiều công trình nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy các tác giả đều thống nhất với nhau về một số yêu cầu của hợp tác trong nhóm như sau:

Sự nỗ lực và trách nhiệm của từng cá nhân trong việc thực hiện các vai trò của bản thân với việc hoàn thành các nhiệm vụ chung. Điều này đồng nghĩa với việc từng cá nhân luôn phải nỗ lực và trách nhiệm hoàn thành các phần công việc riêng của mình trong nhóm song song với việc kiểm tra tiến độ của các thành viên khác sao cho tiến độ chung của nhóm hoàn thành đúng hạn.

Sự tương trợ lẫn nhau của các cá nhân về thông tin; kỹ năng; kiến thức khi thực hiện các nhiệm vụ của nhóm. Hợp tác luôn cần sự tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau. Bởi lẽ mỗi

nhóm được tạo nên từ những cá nhân khác biệt nhưng họ sẽ phải tìm cách hiệu quả nhất để hỗ trợ nhau trên cơ sở hiểu rõ điểm mạnh/ yếu của bản thân và các thành viên khác.

Sự tự giác chủ động của từng cá nhân khi thực hiện các vai trò của bản thân trong nhóm và với việc hoàn thành các nhiệm vụ chung. Tinh thần tự giác luôn là sự thể hiện đặc trưng của hợp tác. Bởi lẽ bản chất của hợp tác là sự tương tác/ phối hợp một cách chủ động và tự nguyện. Do vậy khi sự tương tác, phối hợp không thể hiện được tính tự giác, chủ động là lúc đó các thành viên chỉ cùng làm việc với nhau, mà không phải làm việc với nhau một cách hợp tác.

Sự tôn trọng các khác biệt cá nhân của từng thành viên trong nhóm. Mỗi nhóm luôn là sự kết hợp của các chủ thể khác nhau, với sự khác biệt về kiến thức, kỹ năng nhưng các thành viên phải cùng chung các thái độ tích cực đối với công việc. Thái độ tôn trọng bản thân chính bản thân mình, tôn trọng khác biệt của cá nhân khác như một thái độ cơ bản giúp các thành viên hạn chế các xung đột trong nhóm, tăng sự khăng khít và kết nối giữa các thành viên.

Do vậy trong giới hạn của luận án này, chúng tôi dựa vào các yêu cầu của hợp tác trong học tập nhóm kể trên để xem xét về mặt định tính của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên.

2.2. Khái niệm kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

Kỹ năng hợp tác là khả năng vận dụng những tri thức, kinh nghiệm của các thành viên trong nhóm để phối hợp hành động, để giải quyết mâu thuẫn và điều chỉnh giao tiếp thể hiện sự tác động lẫn nhau một cách tích cực trong hoạt động chung.

Bản chất của hợp tác là sự phối hợp hành động với nhau một cách hiệu quả. Hợp tác cùng nhau đòi hỏi các cá nhân vừa có tính độc lập vừa có tính phụ thuộc, sự phụ thuộc tích cực lẫn nhau (để giúp nhau cùng phát triển, cùng tiến bộ). Trong quá trình hợp tác các cá nhân sẽ nỗ lực điều chỉnh, tìm kiếm các giải pháp để sao cho phát huy cao nhất sức mạnh của từng cá nhân, nhằm tạo ra hiệu quả cao nhất cho sản phẩm chung của cả nhóm. Do vậy có thể hiểu hợp tác không đơn thuần là làm việc cùng nhau mà là sự nỗ lực gắn kết, sự phối hợp, sự cộng tác của từng cá nhân một cách tự giác, tự nguyện và hướng tới việc hoàn thiện các nhiệm vụ chung. Trong quá trình nỗ lực tìm kiếm các giải pháp để có thể cùng làm việc hiệu quả, kinh nghiệm, kỹ năng của từng cá nhân cũng được hoàn thiện. Tính hiệu quả của hợp tác, của phối hợp hành động thể hiện ở những nỗ lực để cùng làm việc với nhau của từng thành viên; nỗ lực để phát huy điểm mạnh của từng thành viên và nỗ lực để tạo sự cân bằng, hạn chế mâu thuẫn trong sự đa dạng của các khác biệt cá nhân.

2.3. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

2.3.1. Sinh viên

Sinh viên là những người đang học ở bậc đại học và cao đẳng với mục đích là học tập, rèn luyện để lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo phẩm chất đạo đức, lối sống và phát triển nhân cách toàn diện để trở thành những người lao động có chất lượng cao trong tương lai.

2.3.2. Học tập nhóm của sinh viên

Học tập nhóm của sinh viên là hoạt động lĩnh hội tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo tương ứng của một số sinh viên có chung mục đích học tập, có sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau trong học tập.

2.3.3. Khái niệm kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

Từ những phân tích các khái niệm về kỹ năng, hợp tác, học tập, nhóm, sinh viên, học tập nhóm có thể hiểu: *Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên là khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm của sinh viên để phối hợp hành động; giải quyết mâu thuẫn và điều chỉnh giao tiếp, thể hiện sự tác động lẫn nhau một cách tích cực trong hoạt động học tập nhóm.*

Trong giới hạn của luận án này, chúng tôi quan niệm kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên là khả năng của mỗi thành viên trong quá trình học tập nhóm. Các kỹ năng tạo thành kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên sẽ luôn hướng tới sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực có nghĩa là sự phối hợp hành động một cách tự giác, phối hợp hành động một cách chủ động vì những mục đích chung của nhóm; Mặt khác sự phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau sẽ được thực hiện trên tinh thần của sự nỗ lực điều chỉnh bản thân cho những mục tiêu chung. Từng cá nhân nỗ lực hoàn thành phần công việc của mình và phần công việc chung một cách trách nhiệm trên tinh thần tôn trọng bản thân và tôn trọng sự khác biệt của các cá nhân khác.

2.3.4. Biểu hiện kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

Tổng quan nhiều công trình nghiên cứu chúng tôi nhận thấy tác giả đều nhấn mạnh đến : (1) Việc điều chỉnh giao tiếp giữa các thành viên trong quá trình hợp tác. (2) Mâu thuẫn là một vấn đề tất yếu trong nhóm nên các tác giả đều coi trọng đến việc giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh khi cùng làm việc với nhau của các cá nhân khác biệt.(3) Sự phối hợp hoạt động của các cá nhân. Sự phối hợp hoạt động được coi là có tính hợp tác khi nó thể hiện sự nỗ lực để cùng làm việc với nhau; trách nhiệm khi làm các công việc chung/ riêng trong nhóm; tinh thần tôn trọng sự khác biệt cá nhân trong quá trình phối hợp làm việc với nhau. Đây là những căn cứ cơ bản để chúng tôi lựa chọn các biểu hiện cơ bản thể hiện đặc tính của hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên. Cụ thể chúng tôi xác định kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên sẽ được tạo thành bởi 3 kỹ năng thành phần gồm:

(1) *Kỹ năng phối hợp hành động* của một số sinh viên có chung mục đích học tập (gọi tắt là kỹ năng phối hợp hành động);

(2) *Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn* của của một số sinh viên có chung mục đích học tập (gọi tắt là kỹ năng giải quyết mâu thuẫn);

(3) *Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp* của một số sinh viên có chung mục đích học tập (gọi tắt là kỹ năng điều chỉnh giao tiếp).

Mỗi kỹ năng thành phần lại có nhiều biểu hiện khác nhau. Các kỹ năng thành phần và các biểu hiện của kỹ năng hợp tác luôn hướng tới việc thực hiện các hành động một cách tự giác, chủ động, trách nhiệm, nỗ lực và tôn trọng lẫn nhau.

2.3.5. Các mức độ của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

Có nhiều cách phân chia mức độ của kỹ năng. Tuy nhiên trong luận án này chúng tôi chia các mức độ để đánh giá kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên gồm năm mức : (1) Rất thấp; (2) Thấp; (3) Trung bình; (4) Cao; (5) Rất cao.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

Trên cơ sở tham khảo những yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên của các tác giả trong và ngoài nước. Trong khuôn khổ giới hạn của đề tài, chúng tôi tập trung phân tích các yếu tố sau đây: Nhận thức của sinh viên về hợp tác trong học tập nhóm; Thái độ của sinh viên với vấn đề hợp tác trong học tập nhóm; Các nét tính cách cá nhân của sinh viên

khi tham gia học tập nhóm; Trình độ của nhóm trưởng nhóm học tập; Các yêu cầu của bài tập nhóm; Hỗ trợ của giảng viên dành cho nhóm; Các điều kiện học tập nhóm.

CHƯƠNG 3 TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Tổ chức nghiên cứu

- Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý luận để tìm kiếm tư liệu xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên, trong thời gian từ 10/2014 – 3/2015
- Giai đoạn 2: Thiết kế công cụ điều tra và khảo sát thử trên 50 sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ và 6 giảng viên của Bộ môn Tâm lý – Giáo dục, trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN, trong thời gian từ 4/ 2015 – 5/ 2015.
- Giai đoạn 3: Khảo sát thực tiễn chính thức trên 400 sinh viên năm thứ 2 và 3 và 52 giảng viên và phỏng vấn sâu 20 sinh viên và 10 giáo viên của trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN và Đại học Thủ Đô; trong thời gian 9/ 2015 – 10/2015.
- Giai đoạn 4: Thực nghiệm tác động 2/2016 – 2/ 2017 trên 43 sinh viên năm thứ 2, lớp lớp PSF 30073, trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN; khách thể thực nghiệm kiểm chứng là 42 sinh viên năm thứ 2 lớp PSF 30076.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu văn bản, tài liệu: được sử dụng nhằm xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu của luận án; xây dựng các khái niệm và bộ công cụ nghiên cứu kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên.

3.2.2. Phương pháp xin ý kiến chuyên gia: lấy ý kiến 5 chuyên gia tâm lý học và một số ý kiến đánh giá của các giảng viên trực tiếp giảng dạy có sử dụng hình thức học tập nhóm đối với sinh viên.

3.2.3. Phương pháp điều tra bằng hỏi: Chúng tôi sử dụng phương pháp này nhằm lấy thông tin định lượng về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên và các yếu tố ảnh hưởng tới kỹ năng này. Phiếu trưng cầu ý kiến dành cho sinh viên gồm 3 phần ; 35 mục; tổng 117 items. Phiếu trưng cầu ý kiến dành cho giáo viên gồm 2 phần; 13 mục; tổng 46 items

3.2.4. Phương pháp thực nghiệm nhận biết qua bài tập tình huống: nhằm khảo sát mức độ và các mặt biểu hiện của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên. Phiếu bài tập tình huống gồm 3 phần; 10 mục; 70 items được thiết kế theo cấu trúc 1 câu hỏi tình huống và 5 đáp án tương ứng với các mức độ từ rất thấp – rất cao.

3.2.5. Phương pháp quan sát: chúng tôi ghi hình và quan sát các biểu hiện của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên qua các buổi thảo luận nhóm, trình bày sản phẩm chung của nhóm; đồng thời thu thập các đoạn hội thoại bằng ngôn ngữ viết khi sinh viên họp và thảo luận nhóm qua mạng

3.2.6. Phương pháp phỏng vấn sâu: phiếu phỏng vấn dành cho sinh viên gồm 3 phần; 22 câu hỏi; phiếu phỏng vấn sâu dành cho giáo viên gồm 8 câu hỏi.

3.2.7. Phương pháp thống kê toán học: số liệu thu được sau khi khảo sát thử và khảo sát thực tiễn được xử lý bằng chương trình phần mềm SPSS 20.0. Các thông số và phép thống kê thống kê được dùng trong nghiên cứu là phân tích thống kê mô tả (điểm trung bình; độ

lệch chuẩn; tần suất; chỉ số phần trăm) và phân tích thống kê suy luận (phân tích so sánh T – test; Anova; Chi – square; phân tích tương quan nhị biến; phân tích hồi quy tuyến tính..)

3.2.8. Phương pháp thực nghiệm tác động: nhằm kiểm định giả thuyết khoa học cho rằng có thể nâng cao kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên bằng cách thực hiện một số biện pháp tác động tâm lý, sự phạm gồm: (1) Nâng cao nhận thức của sinh viên và giáo viên về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên; (2) Tăng cường sự hỗ trợ một cách gián tiếp của giảng viên dành cho nhóm.

CHƯƠNG 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN KỸ NĂNG HỢP TÁC TRONG HỌC TẬP NHÓM CỦA SINH VIÊN

4.1. Thực trạng kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

4.1.1. Đánh giá chung về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

Kỹ năng hợp tác của sinh viên trong học tập nhóm được chúng tôi đo trên 2 mặt: qua tự đánh giá của sinh viên và qua việc giải bài tập tình huống, kết hợp với quan sát. Kết quả tổng hợp thu được như sau:

Bảng 4.1. Đánh giá chung về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

TT	Các kỹ năng thành phần	ĐTB	ĐLC	Mức độ	Thứ bậc
1	Kỹ năng phối hợp hành động	3.09	0.673	Trung bình	1
2	Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn	2.92	0.531	Thấp	3
3	Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp	3.02	0.678	Trung bình	2
Chung		3.01	0.554	Trung bình	

Ghi chú: *Thấp:* ĐTB từ 1.0 đến 2.46; *Trung bình:* ĐTB từ 2.46 đến 3.56; *Cao:* ĐTB từ 3.56 đến 5.0

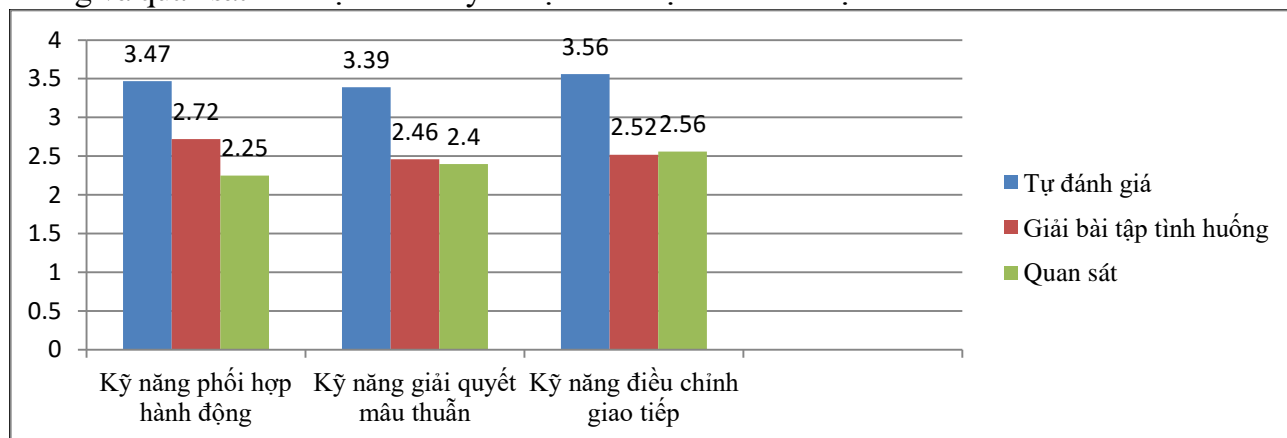
Số liệu cho thấy *kỹ năng hợp tác của sinh viên đạt mức trung bình.* Điều này có nghĩa kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên còn thể hiện sự hạn chế, sinh viên đã biết phối hợp hành động với nhau, nhưng chưa đạt được kết quả tốt; sinh viên đã biết giải quyết mâu thuẫn nảy sinh, nhưng kết quả ở mức vừa phải; sinh viên đã biết điều chỉnh giao tiếp nhưng kết quả điều chỉnh còn hạn chế. Tính chủ động, tự giác, nỗ lực, trách nhiệm và tôn trọng các khác biệt cá nhân trong việc phối hợp hành động; giải quyết mâu thuẫn và điều chỉnh giao tiếp còn hạn chế.

Trong 3 kỹ năng tạo thành của kỹ năng hợp tác thì kỹ năng phối hợp hành động của sinh viên có mức điểm tốt nhất (ĐTB = 3.09), tuy nhiên kỹ năng này cũng chỉ đạt mức trung bình và kỹ năng giải quyết mâu thuẫn là kỹ năng kém nhất trong 3 kỹ năng tạo thành nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên.

Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn đạt mức thấp (ĐTB = 2.92). Điều này có nghĩa kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong học tập nhóm của sinh viên còn thể hiện mờ nhạt. Sinh viên chưa biết giải quyết mâu thuẫn một cách hiệu quả. Tính chủ động, tự giác; trách nhiệm; nỗ lực và tôn trọng sự khác biệt cá nhân còn yếu khi nhận ra các mâu thuẫn; đánh giá hậu quả các mâu thuẫn cũng như đề ra các biện pháp để giải quyết mâu thuẫn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập chung.

Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp của sinh viên đạt mức trung bình (ĐTB = 3.02). Điều này có nghĩa kỹ năng điều chỉnh giao tiếp trong học tập nhóm của sinh viên còn thể hiện sự hạn chế. Sinh viên đã biết điều chỉnh giao tiếp nhưng chưa đạt được kết quả tốt. Trong quá trình hoàn thành các nhiệm vụ học tập chung, sinh viên thể hiện sự hạn chế trong tính chủ động, tự giác; trách nhiệm; nỗ lực và tôn trọng sự khác biệt cá nhân khi lắng nghe; khi điều chỉnh cảm xúc; khi nhận xét ý tưởng và khi trình bày ý tưởng cá nhân.

So sánh kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên qua tự đánh giá, giải bài tập tình huống và quan sát. Số liệu cho thấy có sự chênh lệch rõ rệt. Cụ thể như sau:



Biểu đồ 4.1. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên so sánh giữa tự đánh giá, giải bài tập tình huống và quan sát

Số liệu cho thấy có sự cách biệt lớn giữa tự đánh giá của sinh viên về kỹ năng hợp tác và khả năng thực tế đạt được qua việc giải bài tập tình huống và quan sát. Trong 3 kỹ năng thành phần thì kỹ năng giao tiếp là kỹ năng có sự khác biệt giữa tự đánh giá và thực tế là lớn nhất (1.04) điểm và kỹ năng phối hợp hành động có sự khác biệt ít nhất (0.73) điểm. Điều này cho thấy sinh viên đánh giá mình cao hơn so với thực tế. Học tập nhóm ngày nay với sự hỗ trợ của máy tính, điện thoại khiến sinh viên có thể có những ngộ nhận về kỹ năng giao tiếp của mình. Trao đổi, thảo luận nhóm của sinh viên ít mang tính đối mặt một cách thực sự. Các cuộc họp nhóm của sinh viên thường diễn ra trong các “group chat” – “nhóm trò chuyện” trên các ứng dụng của facebook, viber... Qua phỏng vấn sâu với sinh viên, chúng tôi nhận thấy sinh viên có xu hướng thảo luận “online- trên mạng” nhiều hơn là “off line – gặp mặt trực tiếp”. Tần suất gặp mặt trực tiếp/ thảo luận trên mạng đối với sinh viên là 1- 2 lần/ 7- 8 lần để thực hiện các bài tập nhóm cho một môn học kéo dài khoảng 4 – 5 tháng.

Các bạn sinh viên khi cần biểu đạt cảm xúc trong các nhóm thảo luận sẽ sử dụng các biểu tượng cảm xúc hỗ trợ trên điện thoại. Các biểu tượng này khá đa dạng, dễ sử dụng và thân thiện, hỗ trợ tối đa cho sinh viên khi biểu đạt cảm xúc, khiến các cuộc trò chuyện trở nên dễ dàng, thú vị... điều này càng khiến sinh viên ngộ nhận về khả năng này của mình. Khi cần thuyết phục người cùng giao tiếp chúng ta thường phải có các lập luận và căn cứ, điều này trở nên dễ dàng khi sinh viên sử dụng các dẫn chứng và căn cứ dạng đường link- đường dẫn kết nối tới các tài liệu gốc sử dụng.

Số liệu thu được qua quan sát, cho thấy có 209 sinh viên (52.25%) chỉ đạt mức trung bình với biểu hiện “*Biết điều chỉnh từ ngữ/ hành vi phù hợp với thái độ tiếp nhận của nhóm*”; Có 19.25% sinh viên đạt mức thấp và 22.75% ở mức rất thấp, (ĐTB = 2.43) ; DLC

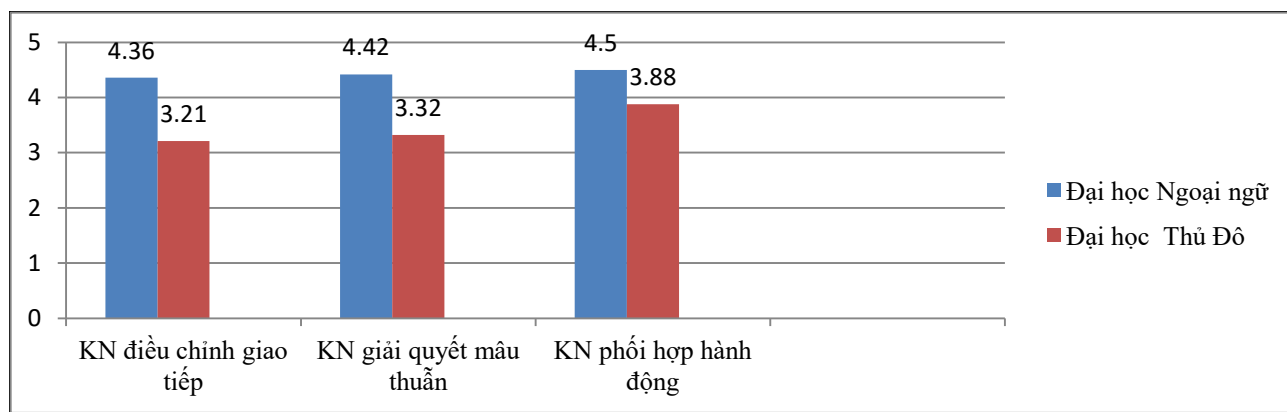
: 0.89. Như vậy số liệu qua quan sát thống nhất với các kết quả qua giải bài tập tình huống và cho thấy sự cách biệt giữa tự đánh giá của sinh viên và mức độ thực tế đạt được. Khi thảo luận trong các nhóm trò chuyện đối mặt “ảo”, sinh viên cảm nhận việc thảo luận trong nhóm không có nhiều cản trở; không xảy ra các xung đột về cách diễn đạt hoặc cách biểu đạt cảm xúc. Bởi vì khi sử dụng ngôn ngữ viết, sinh viên có thể cân nhắc kỹ càng hơn về cách biểu đạt của mình. Những đặc trưng đó khiến sinh viên ngộ nhận kỹ năng lắng nghe; kỹ năng trình bày hay kỹ năng kiểm soát cảm xúc của mình đạt mức cao. Việc trình bày quan điểm của bản thân khi có các cuộc thảo luận nhóm mặt đối mặt khác xa với việc thảo luận trong các nhóm thảo luận “ảo” lúc này sinh viên thiếu đi các hỗ trợ về cách diễn đạt, biểu đạt cảm xúc, của máy tính hoặc điện thoại, SV phải sử dụng ngôn ngữ nói thay cho ngôn ngữ viết, lúc đó chúng tôi nhận thấy rõ sự lúng túng, hạn chế của sinh viên ở cả hành vi và ngôn ngữ.

Điều này cho chúng ta thấy tính “ảo” trong việc đánh giá về bản thân nói chung và trong việc đánh giá kỹ năng giao tiếp của sinh viên nói riêng. Sinh viên đang đánh giá kỹ năng giao tiếp khi thảo luận nhóm của bản thân dựa trên mức độ kỳ vọng của bản thân, hơn là khả năng thực tế có thể đạt được.

4.1.2. Thực trạng kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên so sánh theo các biến số

4.1.2.1. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên so sánh theo trường Đại học

Số liệu cho thấy nhóm sinh viên của Đại học Ngoại ngữ trong nghiên cứu đang thể hiện ưu thế hơn so với nhóm sinh viên Đại học Thủ Đức. Điểm cách biệt trung bình giữa nhóm sinh viên trường Đại học Ngoại Ngữ và nhóm sinh viên trường Đại học Thủ Đức ở cả 3 kỹ năng ở mức 0.95 điểm.



Biểu đồ 4.2. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên so sánh giữa 2 trường nghiên cứu

Trong đó cách biệt nhiều nhất thể hiện ở kỹ năng điều chỉnh giao tiếp, với mức cách biệt là 1.15 điểm, và kỹ năng phối hợp hành động có sự khác biệt giữa hai trường ở mức ít nhất 0.62 điểm. Với kiểm định T – test chúng tôi thu được hệ số $P < 0.05$ cho cả 3 kỹ năng tạo thành nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV. Như vậy sự khác biệt này là có ý nghĩa thống kê khi so sánh kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên giữa 2 nhóm sinh viên của 2 trường. Đây là một chỉ số có tính gợi ý cho những nghiên cứu tiếp theo để đi sâu làm rõ sự khác biệt này ở quy mô và tính chất sâu và rộng hơn.

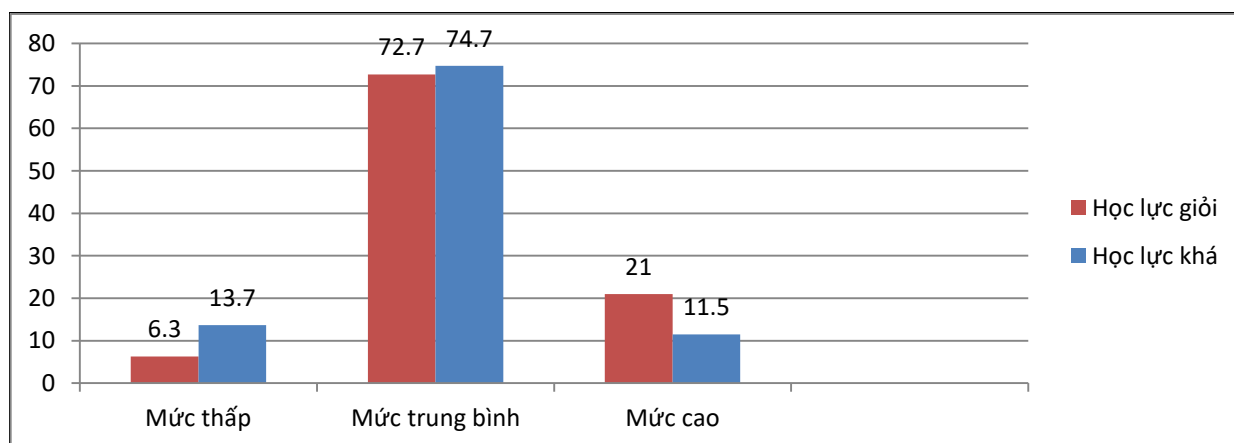
4.1.2.2. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên so sánh theo năm học

Số liệu cho thấy không có nhiều khác biệt về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm giữa sinh viên năm thứ 2 và thứ 3. Điểm cách biệt giữa nhóm SV năm thứ 2 và nhóm SV năm thứ 3, đạt mức trung bình 0.25 điểm, ở cả 3 kỹ năng thành phần. Hệ số P cũng cho ta thấy chưa có sự khác biệt về ý nghĩa về mặt thống kê với $P > 0.05$.

So sánh KN hợp tác trong học tập nhóm của SV thể hiện qua việc giải BTTH cho thấy nhóm SV năm thứ 2 đạt (ĐTB = 2.71) và nhóm SV năm thứ 3 đạt điểm (ĐTB = 2.59) với hệ số $p = 0.065$. Điều này cho thấy sự chênh lệch về điểm số khi giải bài tập tình huống của 2 nhóm sinh viên là chưa có ý nghĩa về mặt thống kê.

4.1.2.3. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên so sánh theo học lực

Các sinh viên trong nghiên cứu có học lực rất đa dạng, trong đó nhóm sinh viên có học lực ở mức trung bình chiếm (2.4%); nhóm sinh viên có học lực khá chiếm (53.8%); nhóm sinh viên có học lực giỏi chiếm (41.9%) và nhóm sinh viên có học lực xuất sắc chiếm (1.8%). Như vậy về đa số các SV trong nghiên cứu thuộc nhóm có học lực khá và giỏi. Số liệu so sánh kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm theo học lực được thể hiện như sau:



Biểu đồ 4.4. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên, so sánh theo học lực

(1) Với mức độ kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm ở mức cao, sinh viên ở nhóm học lực giỏi chiếm 21%; sinh viên nhóm học lực khá chỉ chiếm 11.5 %

(2) Với mức độ kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm ở mức thấp, sinh viên ở nhóm học lực giỏi chiếm 6.3 %; sinh viên nhóm học lực khá chỉ chiếm 13.7 %.

(3) Kết quả kiểm định Chi Square Tests cho thấy chỉ số $P = 0.012$. Như vậy kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên giữa nhóm sinh viên có học lực khá và giỏi sự khác biệt là có ý nghĩa thống kê

Bản chất của sự hợp tác là sự phối hợp, hỗ trợ công việc cùng nhau giữa các thành viên sao cho đạt được kết quả chung tốt nhất. Thực tế để có thể hỗ trợ được cá nhân khác ngoài sự nỗ lực và nhiệt tình; trách nhiệm và tự giác đòi hỏi sinh viên phải có nền tảng khá tốt về kiến thức và kỹ năng để có thể làm tốt cả phần công việc của mình song song với việc giúp đỡ các thành viên khác để hoàn thành các nhiệm vụ. Đây có thể một là một căn cứ để lý giải cho việc nhóm sinh viên có học lực giỏi trong nghiên cứu đang có ưu thế hơn về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm so với nhóm sinh viên có học lực khá.

4.2. Các kỹ năng cụ thể của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

4.2.1. Kỹ năng phối hợp hành động

Kỹ năng phối hợp hành động trong học tập nhóm của sinh viên đạt mức trung bình (ĐTB: 2.80). Điều này có nghĩa kỹ năng phối hợp hành động trong học tập nhóm của sinh viên còn thể hiện sự hạn chế. Sinh viên đã biết phối hợp hành động với nhau, nhưng chưa đạt được kết quả tốt. Thể hiện sự hạn chế trong tính chủ động, tự giác; trách nhiệm, nỗ lực và tôn trọng sự khác biệt cá nhân khi phối hợp cùng nhau xây dựng và thực hiện mục tiêu chung của nhóm cũng như hỗ trợ các thành viên khác để cùng hoàn thành các nhiệm vụ chung. Trong 3 mặt biểu hiện của kỹ năng phối hợp hành động thì kỹ năng biết xây dựng mục tiêu, kế hoạch chung trong học tập nhóm của sinh viên đạt mức kém nhất, (ĐTB: 2.94).

Bảng 4.3. Đánh giá chung về kỹ năng phối hợp hành động trong học tập nhóm của sinh viên

Các biểu hiện	Tự đánh giá			Giải BTHH			Quan sát		
	ĐTB	ĐLC	MĐ	ĐTB	ĐL C	MĐ	ĐTB	ĐLC	MĐ
Biết xây dựng các mục tiêu, kế hoạch cho nhóm	3.55	0.81	TB	2.33	1.08	Thấp	1.80	0,89	Thấp
Biết thực hiện các mục tiêu, kế hoạch của nhóm	3.50	0.90	TB	2.66	1.12	TB	2.67	0,75	TB
Biết hỗ trợ các thành viên khác để hoàn thành các nhiệm vụ chung của nhóm	3.32	0.85	TB	3.17	0.98	TB	2.28	0,77	Thấp
ĐTB chung	3.45	0.85	TB	2.72	1.06	TB	2.25	0.80	Thấp
Chung: 2.80 (Trung bình)									

Ghi chú: *Mức thấp* : ĐTB từ 1.0 đến 2.42; *Mức TB*: ĐTB từ 2.42 đến 3.67; *Mức cao* : ĐTB từ 3.67 đến 5.0

Trong quá trình học tập nhóm, mục đích học tập của nhóm được thể hiện khá rõ ràng qua các yêu cầu mà giáo viên giao. Tìm hiểu vấn đề này qua phỏng vấn sâu, chúng tôi thu được ý kiến như sau: “*Em thấy là khi phối hợp thực hiện các công việc trong nhóm. Các bạn thường ít hỗ trợ nhau thực sự, chỉ động viên thôi còn chia sẻ thông tin thì không thực hiện. Bạn nào biết việc của bạn ấy và chỉ tập trung vào phần công việc của bản thân thôi*” (Bùi Thu H, sinh viên năm thứ 2, , đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội).

Điều này cho thấy sinh viên chưa thực sự hiểu hết ý nghĩa của việc cùng nhau hợp tác trong một nhóm học tập. Khi tham gia trong một nhóm chúng ta vừa là các cá nhân riêng rẽ nhưng lại cùng hòa với nhau vì những mục tiêu chung. Nếu chỉ chú trọng vào thực hiện các phần việc cá nhân mà không có sự chia sẻ, giúp đỡ các cá nhân khác để họ cũng hoàn thành thì chắc chắn tiến độ công việc chung, chất lượng công việc chung của nhóm sẽ bị ảnh hưởng.

Trên thực tế việc xây dựng mục tiêu, kế hoạch của sinh viên thường là nhiệm vụ của nhóm trưởng. Nhóm trưởng có trách nhiệm đề ra kế hoạch, mục tiêu một cách chi tiết. Các thành viên trong nhóm góp ý cho bản kế hoạch do nhóm trưởng viết ra. Việc xây dựng kế

hoạch, mục tiêu cho nhóm hoàn toàn không phải là một quá trình cùng nhau xây dựng mà phụ thuộc rất lớn vào nhóm trưởng. Điều này thể hiện tính ý và sự thiếu chủ động của sinh viên khi làm việc trong nhóm. Thành công hay thất bại của nhóm là do sự nỗ lực của từng thành viên, không phải sự nỗ lực của một người. Quan điểm phụ thuộc và thụ động của sinh viên cũng được thể hiện qua phỏng vấn sâu, chúng tôi thu được ý kiến như sau: “*Em tuân theo các quy định của nhóm vì em nghĩ mình là thiếu số trong nhóm, mọi người đề ra quy định như thế nào thì mình tuân theo như thế*”. (Tạ Mỹ AL, sinh viên năm thứ 3, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội).

Quan điểm này thể hiện thể hiện sự hạn chế trong tính chủ động; tính trách nhiệm và sự nỗ lực cá nhân khi tham gia với nhóm. Sinh viên không nhận thức được các quy định, nội quy trong nhóm vừa là quyền lợi, vừa là trách nhiệm của mỗi thành viên khi tham gia nhóm. Việc tham gia một cách tích cực sẽ thể hiện ở cả việc mỗi thành viên có những đóng góp cho những quy định chung này để nhóm vận hành một cách hiệu quả. Việc tuân theo các quy định một cách thờ ơ của sinh viên cho thấy họ không thật sự hiểu hết tầm quan trọng của việc cùng nhau xây dựng các quy định chung cho chính họ và những người khác trong nhóm.

Số liệu quan sát cho thấy biểu hiện : *Từng thành viên đều có công việc cụ thể khi nhóm thảo luận và trình bày sản phẩm nhóm* có 113 SV (28.25 %) ở mức rất thấp; 257 SV (64.25 %) sinh viên ở mức thấp, đạt ĐTB = 1.80; ĐLC = 0.89. Biểu hiện: *Mỗi thành viên có sự tương trợ lẫn nhau khi trả lời các câu hỏi phản biện của giáo viên hoặc các thành viên nhóm khác* đạt ĐTB = 2.29; ĐLC = 0.77. Trong đó 123 SV (30.75%) ở mức rất thấp; 118 SV (29.5 %) ở mức thấp và 110 SV (27.5 %) ở mức trung bình; nhóm SV đạt biểu hiện này ở mức cao chỉ chiếm 7.25%. Điều này thể hiện kỹ năng phối hợp hành động trong học tập nhóm của sinh viên trên thực tế còn rất hạn chế, sự hạn chế thể hiện rất rõ ở việc thiếu tính chủ động, tự giác cũng như trách nhiệm trong việc phối hợp cùng nhau.

4.2.2. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn

4.2.2.1. Đánh giá chung về kỹ năng giải quyết mâu thuẫn

Số liệu cho thấy kỹ năng giải quyết mâu thuẫn của sinh viên chỉ đạt *mức trung bình* với ĐTB chung = 2.75. Điều này cho thấy kỹ năng của sinh viên được đánh giá chưa đáp ứng được yêu cầu của việc giải quyết mâu thuẫn trong học tập theo nhóm, thể hiện sự hạn chế ở cả việc nhận ra mâu thuẫn; đánh giá mâu thuẫn và đề ra biện pháp giải quyết mâu thuẫn. Thái độ của sinh viên khi giải quyết mâu thuẫn còn ít thể hiện tính chủ động, tự giác, nỗ lực, trách nhiệm và tôn trọng các cá nhân khác.

Qua quan sát chúng tôi nhận thấy sinh viên rất lúng túng khi giải quyết các mâu thuẫn. Trong quá trình thảo luận nhóm và trình bày sản phẩm của nhóm, khi có những mâu thuẫn về mặt quan điểm, sinh viên thường xử lý rất kém hiệu quả. Biểu hiện “*Biết thảo luận, thương lượng khi có nhiều quan điểm khác nhau tạo sự thống nhất ý kiến trong nhóm*” đạt ĐTB = 2.72 và biểu hiện “*Biết tôn trọng ý kiến của các thành viên khác, không xúc phạm các ý kiến khác biệt; chấp nhận sự khác biệt về ý kiến của các thành viên*” đạt ĐTB = 2.08.

Bảng 4.12. Đánh giá chung về kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong học tập nhóm của sinh viên

Các biểu hiện	Tự đánh giá			Giải BTHH			Quan sát		
	ĐTB	ĐLC	MĐ	ĐTB	ĐLC	MĐ	ĐTB	ĐLC	MĐ
Biết nhận ra các mâu thuẫn	3.52	0.97	Cao	2.33	1.08	Thấp	2.72	1,01	TB
Biết đánh giá hậu quả của các mâu thuẫn	3.34	0.78	TB	2.53	1.16	TB	2.08	0,97	Thấp
Biết giải quyết các mâu thuẫn	3.31	0.80	TB	2.54	1.11	TB	2.40	0.99	TB
ĐTB chung	3.39	0.85	TB	2.46	1.11	TB	2.40	0.99	TB
Chung: 2.75 (Trung bình)									

Ghi chú: *Mức thấp* : ĐTB từ 1.0 đến 2.39; *Mức TB*: ĐTB từ 2.39 đến 3.45; *Mức cao* : ĐTB từ 3.45 đến 5.0

Có thể thấy kỹ năng giao tiếp trong nhóm tổ sẽ giảm thiểu những mâu thuẫn, xung đột trong nhóm, tạo điều kiện cho việc phối hợp các hoạt động cùng nhau trong nhóm. Nếu kỹ năng giao tiếp không tốt, sẽ là một trong những nguyên nhân khiến các thành viên không hiểu nhau; hoặc khó đạt được các thỏa thuận trong nhóm...tạo cơ hội cho những mâu thuẫn, xung đột phát triển và điều tất yếu sẽ cản trở việc phối hợp các hoạt động cùng nhau để hướng tới các mục đích chung.

4.2.3. Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp

4.2.3.1. Đánh giá chung về kỹ năng điều chỉnh giao tiếp trong học tập nhóm của sinh viên

Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp trong học tập nhóm của sinh viên đạt mức trung bình với ĐTB = 3.0; ĐLC = 0.93. Điều này có nghĩa kỹ năng điều chỉnh giao tiếp trong học tập nhóm của sinh viên còn thể hiện sự hạn chế. Sinh viên đã biết điều chỉnh giao tiếp nhưng chưa đạt được kết quả tốt. Thể hiện sự hạn chế trong tính chủ động, tự giác; trách nhiệm; nỗ lực và tôn trọng sự khác biệt cá nhân khi lắng nghe; điều chỉnh cảm xúc; nhận xét ý tưởng và trình bày ý tưởng cá nhân, để hoàn thành các nhiệm vụ học tập chung.

Số liệu khảo sát cho thấy kỹ năng điều chỉnh giao tiếp trong học tập nhóm của SV đạt mức trung bình với ĐTB = 3.0; ĐLC = 0.93. Điều này có nghĩa kỹ năng điều chỉnh giao tiếp trong học tập nhóm của SV còn thể hiện sự hạn chế. SV đã biết điều chỉnh giao tiếp, nhưng chưa đạt được kết quả tốt. Điều này thể hiện sự hạn chế trong tính chủ động, tự giác; trách nhiệm; nỗ lực và tôn trọng sự khác biệt cá nhân khi yếu khi lắng nghe; điều chỉnh cảm xúc; nhận xét ý tưởng và trình bày ý tưởng cá nhân, để hoàn thành các nhiệm vụ học tập chung.

Bảng 4.22. Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp trong học tập nhóm của sinh viên

Các biểu hiện	Tự đánh giá			Giải BTHH			Quan sát		
	ĐTB	ĐLC	MĐ	ĐTB	ĐLC	MĐ	ĐTB	ĐLC	MĐ
Biết lắng nghe	3.47	0.89	TB	2.87	1.17	TB	2.38	0.81	TB
Biết nhận xét	3.72	0.75	Cao	3.46	1.08	TB	2.58	0.95	TB
Biết trình bày	3.60	0.81	TB	2.85	1.08	TB	2.23	0.93	TB
Biết kiểm soát cảm xúc	3.51	0.85	TB	3.12	1.11	TB	2.72	0.77	TB
ĐTB	3.57	0.82	TB	2.97	1.11	TB	2.46	0.87	TB
Chung = 3.0 (Trung bình)									

Ghi chú: *Mức thấp* : ĐTB từ 1.0 đến 2.55; *Mức TB*: ĐTB từ 2.55 đến 3.69; *Mức cao* : ĐTB từ 3.69 đến 5.0

SV tự đánh giá về 4 biểu hiện của KN này cao hơn so với kết quả thu được qua giải BTTH và quan sát. Biểu hiện biết nhận xét quan điểm của người khác được sinh viên tự đánh giá cao với ĐTB = 3.72, nhưng trên thực tế sinh viên không đạt được điều này. Số liệu thu được về biểu hiện này qua việc giải BTTH có ĐTB = 3.46 và qua quan sát có ĐTB = 2.58.

Trong 4 KN kể trên thì kỹ năng trình bày quan điểm cá nhân xếp ở mức thấp nhất với ĐTB = 2.89, sau đó đến kỹ năng biết lắng nghe với ĐTB = 2.90. Kỹ năng biết kiểm soát cảm xúc có ĐTB = 3.11 đứng thứ 2. Kỹ năng biết nhận xét đang là kỹ năng SV có khả năng thực hiện tốt nhất với ĐTB = 3.25. Số liệu qua quan sát cho thấy biểu hiện “*Biết nhận xét một cách khách quan, chỉ ra được các căn cứ cho các nhận xét của mình*” SV thực hiện kém nhất. Có 23% SV đạt được mức rất thấp; Có 19% SV đạt mức thấp và 52.25 % SV đạt mức trung bình. Tìm hiểu vấn đề này qua phỏng vấn sâu chúng tôi thu nhận được ý kiến như sau: “*Tùy vào tình cảm sẽ quyết định sẽ nhận xét như thế nào. Nếu người mình không thích sẽ nhận xét nhiều vấn đề từ cách làm việc đến tính cách, thói quen... Với người mình yêu quý sẽ không nhận xét gì để tránh mất lòng*”. (Nguyễn Thị Phương H, sinh viên năm thứ 2, Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội).

4.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

4.3.1. Dự báo tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan tác động tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

Số liệu cho thấy nhóm các yếu tố chủ quan có tương quan tỉ lệ thuận với kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên. Trong đó yếu tố “*Các nét tính cách cá nhân*” đang thể hiện sự tác động nhiều nhất trong nhóm các yếu tố này với $r = 0.569$; đứng thứ 2 trong nhóm các yếu tố chủ quan là yếu tố “*Thái độ của sinh viên khi tham gia học tập nhóm*” với $r = 0.586$, yếu tố có tương quan yếu và đứng cuối cùng trong nhóm các yếu tố khách quan là “*Trình độ của nhóm trưởng*” với $r = 0.269$.

Bảng 4.47. Tương quan và dự báo của các yếu tố tác động tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm

Các biến	Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên			
	r	r ²	p	Dự báo mức độ biến đổi
Nhận thức của sinh viên về hợp tác	0,538**	0.289	0.000	28.9 %
Thái độ của sinh viên khi tham gia học tập nhóm	0,586**	0.343	0.000	34.3 %
Các nét tính cách cá nhân	0,569**	0.355	0.000	35.5 %
Trình độ của nhóm trưởng	0,269**	0.072	0.000	7,2 %
Yêu cầu của bài tập nhóm	0,532**	0.283	0.000	28.3 %
Hỗ trợ của giáo viên	0,518**	0.299	0.000	29.9 %
Điều kiện học tập nhóm	0,363**	0.131	0.000	13.1 %

Ghi chú: r có ý nghĩa khi > 0.2 với $P < 0.05$

Chúng tôi lựa chọn nghiên cứu trên những nhóm có quy mô từ 4 – 6 SV. Thực chất đây là những nhóm nhỏ và có tính hợp tác cao, vai trò của nhóm trưởng thể hiện ít, vì các thành viên thay nhau thể hiện vai trò dẫn dắt (đã trình bày ở mục 2.2)

Số liệu cho thấy, có thể dự báo mức độ tương quan thuận khi nâng cao nhận thức cho sinh viên về kỹ năng hợp tác dự báo sẽ có 28.9% biến đổi và nếu nâng cao thái độ của SV khi tham gia học tập nhóm sẽ dự báo có 34.3 % sẽ biến đổi.

Các yếu tố khách quan đều có tương quan thuận với KN hợp tác trong học tập nhóm với $r > 0.2$ và $P < 0.05$. Trong đó yếu tố đang có vị trí thứ nhất của nhóm này là yếu tố “Yêu cầu của bài tập nhóm” với $r = 0.532$; yếu tố thể hiện tương quan yếu và ít có tác động nhất trong nhóm này là “Điều kiện học tập nhóm” với $r = 0.363$.

Hệ số r^2 cho chúng ta dự báo với việc tăng hiểu biết của SV về yêu cầu của bài tập nhóm sẽ có tác động tích cực tới 28.3 % và với việc tăng cường hỗ trợ của GV dành cho nhóm sẽ có tác động tích cực và tạo ra sự biến đổi ở KN này tới 29.9 %.

4.3.2. Dự báo mô hình nhóm các yếu tố tác động tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên

Tập hợp các yếu tố chủ quan và khách quan có tác động tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên và sử dụng kiểm định hồi quy và hệ số Beta. Chúng tôi thu được 3 mô hình dự báo có tác động nhiều nhất tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên. Cụ thể như sau:

(a) Chúng tôi nhận thấy yếu tố “Hỗ trợ của giảng viên dành cho nhóm” vẫn thể hiện sự tác động lớn nhất tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên với Beta ở mức 0.536; tiếp theo là yếu tố “Nhận thức của sinh viên về hợp tác” với Beta ở mức 0.556 và cuối cùng là “Thái độ của sinh viên khi tham gia nhóm” với Beta ở mức 0.400.

b) Dựa vào tương quan giữa các kỹ năng tạo nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm. Các KN tạo nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên có sự tương quan thuận và chặt với nhau ($r > 0.6$ và $P = 0.00$).

Như vậy chúng tôi quyết định lựa chọn mô hình 2 yếu tố tác động chính gồm : (1) Tăng cường hỗ trợ của giảng viên dành cho nhóm (2) Nâng cao nhận thức của giảng viên và sinh viên về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên. Với 2 yếu tố tác động này chúng tôi tạo thành 3 biện pháp tác động như sau: (a) Nâng cao nhận thức cho giảng viên và sinh viên về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên (b) Nâng cao nhận thức cho giảng viên về các kỹ thuật để phát triển kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên. (c) Tăng cường hỗ trợ của giảng viên dành cho nhóm một cách gián tiếp.

4.4. Kết quả thực nghiệm tác động

Theo qui trình thực nghiệm đã trình bày ở chương 3, chúng tôi tiến hành hành đo kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của nhóm sinh viên thực nghiệm và nhóm sinh viên đối chứng trước và sau thực nghiệm. Kết quả thể hiện như sau:

Bảng 4.50. Kết quả đo trước thực nghiệm của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

Các kỹ năng	Nhóm đối chứng			Nhóm thực nghiệm		
	ĐTB	ĐLC	MĐ	ĐTB	ĐLC	MĐ
Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp phù hợp	3.04	0.678	TB	3.03	0.780	TB
Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn nảy sinh	2.98	0.534	Thấp	2.97	0.739	Thấp
Kỹ năng phối hợp hành động	3.07	0.673	TB	3.08	0.756	TB
ĐTB chung	3.03	Trung bình		3.02	Trung bình	

Ghi chú: Mức thấp : ĐTB từ 1.0 đến 2.42; Mức TB: ĐTB từ 2.42 đến 3.67; Mức cao : ĐTB từ 3.67 đến 5.0

Kết quả bảng 4.50 cho thấy, mức độ các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của nhóm SV đối chứng và nhóm SV thực nghiệm trước thực nghiệm là tương đương nhau. Các kỹ năng đều đạt mức độ trung bình. Mức độ của các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của nhóm SV thực nghiệm và nhóm SV đối chứng phản ánh đúng thực trạng mức độ kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên nói chung được nghiên cứu và phân tích ở phần thực trạng của đề tài. Điều này chứng tỏ, các nhóm được chọn để tiến hành thực nghiệm và đối chứng có thể đại diện cho sinh viên các trường ĐH. Kiểm định T – test với 2 mẫu độc lập cho thấy $p = 0,451 > 0,05$ tức là không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa mức độ các kỹ năng của hai nhóm thực nghiệm và đối chứng. Vì vậy, nếu sau thực nghiệm giữa hai nhóm có sự khác biệt thì sự khác biệt đó có thể là do các biện pháp tác động tạo ra. Sau thời gian thực nghiệm tác động đối với nhóm thực nghiệm, chúng tôi tiến hành đo lại kết quả ở cả hai nhóm thực nghiệm và đối chứng.

Bảng 4.51. Kết quả đo kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của nhóm sinh viên thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

Các kỹ năng	Trước thực nghiệm			Sau thực nghiệm			d	P
	ĐTB	ĐLC	MĐ	ĐTB	ĐLC	MĐ		
Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp phù hợp	3.03	0.678	TB	4.19	0.680	Cao	1.16	0.000
Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn nảy sinh	2.97	0.534	TB	4.38	0.539	Cao	1.41	0.000
Kỹ năng phối hợp hành động	3.08	0.673	TB	4.25	0.576	Cao	1.17	0.000
ĐTC chung	3.02	0.63	TB	4.12	0.60	Cao	1.24	0.000

Ghi chú: ĐTB từ 1.0 đến 2.42: Mức thấp; ĐTB từ 2.42 đến 3.67: Mức trung bình; ĐTB từ 3.67 đến 5.0: Mức cao

So sánh kết quả trước và sau thực nghiệm của nhóm thực nghiệm, có thể thấy, điểm số của các KN tạo thành nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV đều có chiều hướng biến đổi tăng lên, với điểm cách biệt từ (1.16 – 1.41) biến đổi từ mức ĐTB = 3.02 tới ĐTB đạt 4.12 - mức cao với $P < 0.05$. Như vậy sự biến đổi về điểm số có ý nghĩa thống kê. Trong 3 KN tạo thành thì KN giải quyết mâu thuẫn thể hiện sự biến đổi nhiều nhất từ KN đạt ở mức thấp (ĐTB = 2.97) tới mức cao với ĐTB = 4.38 đạt mức cao điểm cách biệt 1.41.

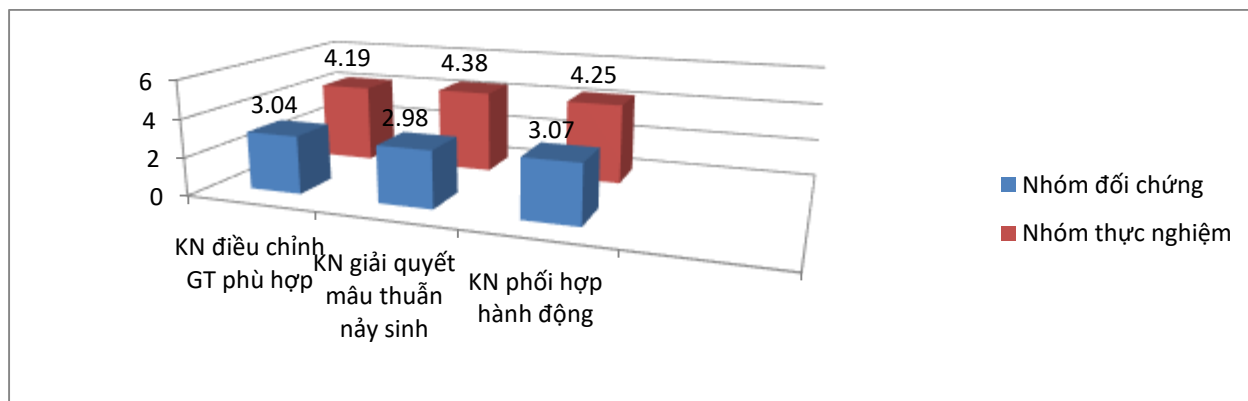
Trong 3 biểu hiện của kỹ năng hợp tác, ở lần đo sau khi có thực nghiệm tác động đều tăng. Trong đó với nhóm nhận thức có điểm cách biệt (d:0.94) và với kỹ năng hợp tác qua việc giải BTTT có (d: 1.56). Như vậy tác động của thực nghiệm có ý nghĩa với cả nhận thức và khả năng giải bài tập tình huống của sinh viên, trong đó biểu hiện sự thay đổi ở khả năng giải quyết bài tập tình huống có điểm cách biệt nhiều hơn so với khả năng nhận thức của SV.

Điểm cách biệt trung bình ở cả phần làm bài tập tình huống và nhận thức của sinh viên ở mức (d: 1,25). Trong 3 biểu hiện của kỹ năng, số liệu sau thực nghiệm cho thấy Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn có điểm cách biệt lớn nhất (d: 1.84) và kỹ năng có điểm cách biệt ít nhất là Kỹ năng phối hợp hành động (d: 1.38).

Số liệu điều tra thực trạng cho thấy trong 3 mặt biểu hiện của kỹ năng hợp tác, kỹ năng phối hợp hành động là kỹ năng đạt mức điểm trung bình cao nhất (ĐTB: 3.26). Đứng thứ 2 là kỹ năng giải quyết mâu thuẫn (ĐTB: 2.89). Cả 3 mặt biểu hiện của KN hợp tác trong HTN ở lần điều tra thực trạng đều chỉ đạt mức trung bình, ĐTB: 3.0.

Sau khi thực hiện tác động ĐTB của từng kỹ năng biểu hiện và toàn bộ kỹ năng hợp tác đều đạt mức cao, tiệm cận mức rất cao.

Biểu đồ 4.8. So sánh kết quả của nhóm thực nghiệm và nhóm kiểm chứng



Số liệu so sánh cho thấy các mặt biểu hiện của kỹ năng hợp tác khi có những tác động của các biện pháp tâm lý – sự phạm phù hợp đều có sự cải thiện có ý nghĩa về điểm số. Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên trên cả 3 biểu hiện đều được nâng lên từ mức trung bình đến mức cao, tiệm cận mức rất cao. Sau thực nghiệm tác động, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn là kỹ năng có tăng điểm số nhiều nhất. Xem xét kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên của nhóm sinh viên thực nghiệm trước và sau thực nghiệm chúng tôi thấy có sự thay đổi của tất cả các kỹ năng tạo thành nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên.

Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên đã chuyển từ mức độ trung bình (ĐTC = 3.03) tới mức cao (ĐTC = 4.12). Trong thời gian ngắn (1 năm học), với sự biến đổi này đã khẳng định hiệu quả tích cực của biện pháp tác động. Kiểm định T – test để xác định sự khác biệt giữa mức độ các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của nhóm sinh viên trước và sau thực nghiệm cho kết quả $p = 0,000$ đã khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa giữa mức độ của các kỹ năng nhận thức trước và sau thực, điều không có được ở nhóm đối chứng.

Như vậy, có thể khẳng định nếu GV có thể thực hiện tốt lồng ghép giữa việc giảng dạy/ giao bài tập nhóm với công việc bồi dưỡng cho SV hiểu biết về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên, song song với việc tăng cường hỗ trợ cho các nhóm một cách gián tiếp thì kỹ năng này sẽ được nâng lên.

Xem xét cụ thể hiệu quả của các biện pháp tác động, chúng tôi nhận thấy một số điểm như sau:

- Sau khi được GV tăng cường bồi dưỡng về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên, cũng như tăng cường các hỗ trợ cần thiết dành cho nhóm cũng như thay đổi các kỹ thuật trong việc phân chia nhóm; đánh giá sản phẩm của nhóm. Các mặt biểu hiện của kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên được tăng lên sau mỗi nhiệm vụ học

tập. Bởi vì, trong quá trình giải quyết nhiệm vụ học tập, họ được vận dụng hệ thống tri thức về kỹ năng hợp tác dưới sự hướng dẫn cụ thể, sự hỗ trợ, động viên tận tình của giảng viên; đối chiếu kết quả của từng hành động với mẫu giúp họ điều chỉnh ngay những thao tác chưa hợp lý, giúp cho hoạt động tiến hành có hiệu quả hơn. Điều đó lại càng thúc đẩy họ trong việc giải quyết nhiệm vụ tiếp theo.

- Với mỗi nhiệm vụ học tập được đặt ra, họ đều nhận thức rõ ràng vấn đề đặt ra, mục đích, yêu cầu, cách thức tiến hành, cũng như những điều kiện và phương tiện cần thiết để tiến hành hợp tác trong học tập nhóm.

- Trước khi bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ, tất cả thành viên của nhóm thực nghiệm đã ý thức rất rõ sự cần thiết của việc trao đổi, thống nhất cách thức giải quyết nhiệm vụ của nhóm để lựa chọn được phương pháp tối ưu nhất, để phối hợp với nhau giải quyết nhiệm vụ chung của nhóm.

- Trên cơ sở hiểu rõ nhiệm vụ học tập nói chung, nhiệm vụ của nhóm nói riêng, các thành viên trong nhóm đều có sự cân nhắc cụ thể những điểm mạnh, điểm yếu, khả năng của mình cũng như của từng thành viên để giao nhiệm vụ cho phù hợp. Điều đó đã giúp các thành viên có ý thức hơn trong việc giải quyết nhiệm vụ học tập.

- Nếu như trước thực nghiệm, các thành viên trong nhóm hầu như không chú ý tới việc trao đổi, bàn bạc để mọi người cùng hiểu và thống nhất mục tiêu chung của nhóm thì sau thực nghiệm không một thành viên nào là không hiểu rõ ý nghĩa của việc thống nhất mục tiêu chung của nhóm. Họ coi việc tìm hiểu, xác định mục tiêu chung của nhóm là một yêu cầu bắt buộc.

Đánh giá kết quả đã đạt được của bản thân và nhóm, sinh viên Tr.T.T Đại học Ngoại ngữ nói: *“Những giờ học học tập nhóm bây giờ đối với em rất thú vị, bởi vì em hiểu được ý nghĩa của việc hợp tác với nhau, về cách thức để phối hợp công việc và cùng nhau tìm kiếm các giải pháp Em cảm thấy mình đã trưởng thành lên thêm, trước những mâu thuẫn trong nhóm em bình tĩnh hơn và hiểu rằng mâu thuẫn là tất yếu. Em hiểu về giá trị của sự hợp tác, hiểu rõ hơn về ý nghĩa của việc học. Em hiểu rằng, mỗi cá nhân muốn tồn tại và phát triển không thể thiếu sự hợp tác trong nhóm”*.

Xét những biểu hiện trên có thể nhận thấy biện pháp tác động đã làm thay đổi các kỹ năng cấu thành nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên.

Bảng 4.52. Kết quả đo kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của nhóm sinh viên thực nghiệm và nhóm sinh viên đối chứng, sau tác động sư phạm

Các kỹ năng	Nhóm đối chứng			Nhóm thực nghiệm		
	ĐTB	ĐLC	Mức độ	ĐTB	ĐLC	Mức độ
Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp phù hợp	3.04	0.678	TB	4.19	0.680	Cao
Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn nảy sinh	2.98	0.534	Thấp	4.38	0.539	Cao
Kỹ năng phối hợp hành động	3.07	0.673	TB	4.25	0.576	Cao
ĐTC	3.03	Trung bình		4.12	Cao	

Ghi chú: *Mức thấp* : ĐTB từ 1.0 đến 2.42; *Mức TB*: ĐTB từ 2.42 đến 3.67; *Mức cao* : ĐTB từ 3.67 đến 5.0

Kết quả bảng số 4.52 cho thấy, các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của nhóm sinh thực nghiệm cao hơn hẳn so với nhóm sinh viên đối chứng. Sau thực nghiệm, kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên của nhóm thực nghiệm đã tăng lên mức độ cao (ĐTB = 4.12), còn nhóm đối chứng kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên vẫn chỉ dừng ở mức độ trung bình (ĐTB = 3.03). Kiểm định T – test cho kết quả $p = 0,000 < 0,05$ cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa giữa các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Điều đó chứng tỏ các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên có sự biến đổi cả về điểm số và mức độ do ảnh hưởng của biện pháp tác động. Nhờ có biện pháp tác động, mức độ các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của nhóm SV thực nghiệm đã cao hơn hẳn so với nhóm SV đối chứng. Hoạt động học tập của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng diễn ra trong điều kiện như nhau về thời gian, về phương tiện hoạt động, chỉ có khác nhau về biện pháp tác động. Do vậy, có thể khẳng định biện pháp tác động là hiệu quả, khả thi và khẳng định giả thuyết thực nghiệm là đúng, đó là phối hợp 3 biện pháp gồm: (1) Nâng cao nhận thức cho giáo viên và sinh viên về kỹ năng hợp tác trong học tập của sinh viên; (2) Nâng cao nhận thức cho giáo viên về các kỹ thuật để phát triển kỹ năng hợp tác trong học tập của sinh viên; (3) Tăng cường các hỗ trợ gián tiếp của giảng viên dành cho SV trong quá trình học tập nhóm.

❖ ***Đánh giá kết quả thực nghiệm sau tác động***

Từ việc so sánh và phân tích kết quả thực nghiệm tác động và thực nghiệm kiểm chứng nêu trên, có thể rút ra một số kết luận như sau:

Cùng có xuất phát điểm như nhau về mức độ các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên, cùng trong môi trường hoạt động học tập như nhau, cùng trong một khoảng thời gian (1 năm học), nhưng ở nhóm đối chứng mức độ các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh trước và sau thực nghiệm đều dừng ở mức độ trung bình. Còn ở nhóm thực nghiệm, có sự tăng trưởng khá mạnh mẽ cả về điểm số trung bình và mức độ các kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên. Điểm khác biệt ở hai nhóm là do sinh viên nhóm thực nghiệm được nâng cao nhận thức về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên; được tăng cường hỗ trợ của GV thông qua các kỹ thuật cụ thể mà GV được tập huấn để tăng cường tính chủ động, phối hợp của SV khi phối hợp học tập cùng nhau;

Như vậy, có thể khẳng định sự tăng trưởng mức độ kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên của nhóm sinh viên thực nghiệm là do ảnh hưởng của chính các biện pháp tác động đã thực hiện.

Kết quả này đã khẳng định giả thuyết thực nghiệm: Nếu dùng những biện pháp tâm lý sư phạm lồng ghép vào quá trình dạy – học, tác động vào quá trình học tập nhóm của SV sẽ khiến cho kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên trở nên tốt hơn.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

- Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên là khả năng vận dụng tri thức, kinh nghiệm của sinh viên để phối hợp hành động; giải quyết mâu thuẫn và điều chỉnh giao tiếp trong hoạt động học tập nhóm.
- Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV là kỹ năng phức hợp, được tạo bởi 3 kỹ năng thành phần. Mỗi kỹ năng thành phần có một ý nghĩa riêng và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Chất lượng của mỗi kỹ năng đều ảnh hưởng tới các kỹ năng còn lại.
- Kỹ năng hợp tác của sinh viên bao gồm 3 kỹ năng thành phần, gồm: (1) Kỹ năng phối hợp hành động; (2) Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; (3) Kỹ năng điều chỉnh giao tiếp. Mỗi kỹ năng tạo thành kỹ năng hợp tác lại có nhiều mặt biểu hiện cụ thể.

** Về thực tiễn*

- Kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên đạt mức độ trung bình. Như vậy kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên còn thể hiện sự hạn chế. Sinh viên đã biết phối hợp hành động với nhau, nhưng chưa đạt được kết quả tốt. Sinh viên đã biết giải quyết mâu thuẫn nảy sinh nhưng kết quả ở mức vừa phải. Sinh viên biết điều chỉnh giao tiếp nhưng kết quả điều chỉnh còn hạn chế. Tính chủ động, tự giác, nỗ lực, trách nhiệm và tôn trọng các khác biệt cá nhân còn hạn chế khi phối hợp hành động; khi giải quyết mâu thuẫn và khi điều chỉnh giao tiếp để hoàn thành các nhiệm vụ học tập chung.
- Tự đánh giá của sinh viên về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm cao hơn so với kỹ năng thực tế sinh viên đạt được qua giải bài tập tình huống và quan sát. Sự chênh lệch thể hiện ở cả 3 kỹ năng thành phần của kỹ năng hợp tác. Sự chênh lệch lớn nhất giữa tự đánh giá và khả năng thực tế là kỹ năng điều chỉnh giao tiếp.
- Trong 3 kỹ năng thành phần của kỹ năng hợp tác, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn là kỹ năng kém nhất. Kỹ năng phối hợp hành động là kỹ năng tốt nhất.
- Trong các biểu hiện của kỹ năng giao tiếp. Các biểu hiện biết trình bày của sinh viên đạt mức tốt nhất và các biểu hiện của biết lắng nghe là kém nhất
- Trong các biểu hiện của kỹ năng giải quyết mâu thuẫn thì kỹ năng nhận ra mâu thuẫn đạt mức tốt nhất; kỹ năng đánh giá hậu quả của mâu thuẫn là kém nhất
- Trong các biểu hiện của kỹ năng phối hợp hành động, biểu hiện về khả năng xây dựng mục tiêu, kế hoạch chung cho nhóm là khả năng kém nhất.
- Không có sự khác biệt về kỹ năng hợp tác giữa các nhóm sinh viên với học lực khác nhau và năm học khác nhau.

** Có nhiều yếu tố tác động* tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV gồm cả yếu tố chủ quan và khách quan. Trong đó 2 yếu tố có tác động nhiều nhất tới kỹ năng hợp tác của sinh viên gồm (1) Thái độ của sinh viên khi tham gia học tập nhóm; (2) Hỗ trợ của giảng viên dành cho nhóm. Trong đó “Thái độ của sinh viên khi tham gia hợp tác trong nhóm” là yếu tố có tác động nhiều nhất tới việc nâng cao kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên và “Trình độ của nhóm trưởng nhóm học tập” là yếu tố ít có ảnh hưởng nhất tới kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên.

** Nghiên cứu thực nghiệm tác động cho thấy*

- Thông qua các tác động tâm lý sư phạm gồm: (1) Nâng cao nhận thức cho sinh viên và giáo viên về kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm; (2) Tăng cường sự hỗ trợ của giảng viên dành cho nhóm một cách gián tiếp đã nâng cao kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm cho sinh viên ở tất cả các kỹ năng tạo thành nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên.

2. KIẾN NGHỊ

*** Đối với trường Đại học**

- *Kết quả nghiên cứu tổng quan cho thấy kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên là một kỹ năng quan trọng giúp chúng ta làm việc/ học tập trong nhóm một cách hiệu quả. Nghiên cứu thực tiễn cho thấy các kỹ năng tạo nên kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của SV có tương quan thuận và chặt với nhau. Đặc biệt kỹ năng điều chỉnh giao tiếp có tác động mạnh nhất toàn bộ thang đo kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm nói chung và với kỹ năng giải quyết mâu thuẫn và kỹ năng phối hợp hành động. Do vậy nâng cao kỹ năng giao tiếp trong học tập nhóm của sinh viên sẽ có tác động nâng cao kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong học tập nhóm và phối hợp hành động trong học tập nhóm. Do vậy các trường Đại học cần quan tâm tới việc nâng cao kỹ năng giao tiếp cho sinh viên nói riêng và toàn bộ kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên nói riêng.*

- *Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên chỉ đạt ở mức trung bình. Đây là chỉ số rất đáng chú ý trong việc các nhà trường cần chú trọng hơn vào việc tăng cường các biện pháp tác động tâm lý sư phạm để nâng cao kỹ năng này ở sinh viên.*

*** Đối với giảng viên tại các trường đại học**

Kết quả nghiên cứu thực nghiệm tác động cho thấy, hoàn toàn có thể nâng cao kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của sinh viên bằng việc tập huấn cho GV và SV những kỹ thuật cần thiết để giúp SV làm việc nhóm hiệu quả hơn, hợp tác trong học tập nhóm tốt hơn. Do vậy việc phổ biến rộng rãi các kỹ thuật cơ bản trong việc phân chia nhóm; các kỹ thuật trong việc đánh giá cho điểm nhóm để tạo động lực cho nhóm và giúp SV nhận thức đúng đắn và các thái độ phù hợp cần có khi làm việc nhóm là việc cần thực hiện tại các nhà trường.

*** Đối với sinh viên**

- *Kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy sinh viên tự đánh giá cao kỹ năng hợp tác trong học tập nhóm của mình hơn so với thực tế đạt được. Do vậy, cần tăng cường rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết mâu thuẫn và kỹ năng phối hợp hành động trong cuộc sống thực tế.*

- *Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong học tập nhóm của sinh viên chỉ đạt mức thấp. Do vậy sinh viên cần có ý thức nâng cao tinh thần, thái độ khi làm việc nhóm một cách đúng đắn. Nâng cao ý thức tìm hiểu về hậu quả các mâu thuẫn trong nhóm và hướng giải quyết cho các dạng mâu thuẫn trong nhóm.*

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. Tạ Nhật Ánh (2017), *Kỹ năng giao tiếp của sinh viên năm thứ 3, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 04/2017.*
2. Tạ Nhật Ánh (2017), *Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn trong học tập nhóm của sinh viên năm thứ 3, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 08/2017.*